

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ
TRANG NGHIÊM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG, GIÁC KINH**

Phúc giảng lần thứ ba: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 12/04/2024

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Việt dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Tập 15

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người. A-di-đà Phật.

Mời xem kinh văn tiếp theo.

Đến trước Phật, đánh lễ quỳ gối, chấp tay hướng Phật, dùng kệ tán thán Phật, phát nguyện rộng lớn và ca tụng rằng.

Tỳ-kheo Pháp Tạng đến trước Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, đánh lễ Phật. “Đánh lễ” chính là dùng tay chạm vào chân Phật. Chân là bộ phận thấp nhất của Phật, đầu là bộ phận cao nhất của mình. Đặt phần thấp nhất là chân Phật lên trên đầu là phần cao nhất của mình, biểu thị sự sùng kính đối với Phật. “Quỳ gối” là chỉ hai đầu gối đều quỳ xuống, đây là nghi thức ở Ấn Độ thời bấy giờ.

Hai tay chấp lại, cung kính tán thán Phật, dùng nghi thức đọc tụng kệ đề tán thán công đức của Phật và phát thệ nguyện rộng lớn. “Kệ” là bài kệ, dịch là bài tụng. Mỗi câu trong kệ có độ dài như nhau, hơn nữa có thể xướng ngâm. “Tụng” rất giống với thi ca, văn tự tuy ít nhưng hàm nghĩa phong phú, dễ đọc tụng và ghi nhớ.

**Như Lai vi diệu sắc đoan nghiêm
Hết thấy thế gian không ai bằng
Quang minh vô lượng chiếu mười phương
Nhật nguyệt hỏa châu đều ẩn sáng.
Thế Tôn diễn nói một âm thanh
Hữu tình tùy loại đều hiểu được
Lại hiện ra một diệu sắc thân
Khuyến khắp chúng sanh tùy loại thấy.**

“Như Lai vi diệu sắc đoan nghiêm.”

“Nhu Lai” là chỉ Thế Gian Tự Tại Vương Phật. Hoàng Niệm lão nói: rất ít người có thể hiểu rõ thế nào là Phật; Phật mà rất nhiều tín đồ Phật giáo hiểu thì giống với Thượng đế. “Sắc” là sắc tướng, chỉ cho sắc tướng của báo thân và cõi Thật báo trang nghiêm của Phật, đều là vi diệu và đoan nghiêm. “Vi diệu” chính là trí tuệ.

Trong phẩm Tích Công Lũy Đức của kinh này nói: Tỳ-kheo Pháp Tạng trụ ở trí tuệ chân thật, nhất hướng chuyên chí trang nghiêm Diệu độ. Có thể chứng minh nguyên nhân của sự tráng lệ và trang nghiêm của thế giới Cực Lạc vượt hơn mười phương cõi Phật, chính là do đại trí tuệ của tỳ-kheo Pháp Tạng lưu hiện ra.

Trong Vãng Sanh Luận nói: Sự trang nghiêm của Phật, của Bồ-tát và của cõi nước ở thế giới Cực Lạc đều vào một câu thanh tịnh, tức trí tuệ chân thật, pháp thân vô vi. Cũng nói rằng: Sự trang nghiêm của thân Phật và cõi nước Phật đều từ trí tuệ chân thật mà ra, do vậy kỳ diệu, tráng lệ, trang nghiêm không thể nghĩ bàn.

Hơn nữa, “vi” nghĩa là tinh vi, tinh diệu, tinh tế. Tâm của chúng sanh thô, không thể thâm nhập vi tế, diệu tướng của Phật có vô lượng trang nghiêm, nhưng chúng sanh không thể nhận biết. “Diệu” là tuyệt hảo, nghĩa là không gì sánh bằng, không thể nghĩ bàn, khen không ngớt lời. Thêm từ “vi” vào trước từ “diệu” thì càng tinh diệu tốt cùng. “Đoan nghiêm” là đoan chánh và trang nghiêm.

“Hết thấy thế gian không ai bằng.”

“Hết thấy thế gian” là chỉ hết thấy thế giới ở mười phương. Tỳ-kheo Pháp Tạng tán thán sắc tướng của báo thân và báo độ của Thế Tự Tại Vương Như Lai là vi diệu đoan nghiêm, tất cả các thế giới khác không thể sánh bằng. Làm kệ tán thán Phật: “Hết thấy mười phương con đều thấy, tất cả không ai giống như Phật”, cũng chính là ý này.

“Quang minh vô lượng chiếu mười phương, nhật nguyệt hỏa châu đều ẩn sáng.”

“Ẩn sáng”, “ẩn” là ẩn tàng, “sáng” là ánh sáng. Đức Phật phóng vô lượng quang minh, chiếu khắp mười phương thế giới. Nơi mà ánh sáng Phật chiếu đến thì ánh sáng rực rỡ của mặt trời, mặt trăng, lửa và hạt châu đều không hiển hiện. Ví như trăng sáng sao thưa, khi ánh trăng quá sáng thì sẽ thấy ít sao hơn.

“Châu” là chỉ cho ngọc ma-ni, ở Ấn Độ gọi là Cintamani. Ngọc ma-ni còn gọi là ngọc như ý, vì nó có thể ban cho chúng sanh rất nhiều vật thắng diệu như ý, lại

còn phát ra ánh sáng lớn. Trong Hội Sớ nói: Trong muôn chủng loài của thế gian, không ánh sáng nào từ chúng phát ra có thể vượt qua được bảo châu ma-ni, thế nhưng trong ánh sáng của Phật, ánh sáng của ngọc ma-ni cũng không thể hiện ra.

“Thế Tôn diễn nói một âm thanh, hữu tình tùy loại đều hiểu được.”

Sự diễn thuyết của Như Lai, có thể trong một âm thanh khiến khắp tất cả hữu tình trong pháp giới tùy theo ngôn ngữ của loài mình mà hiểu được. Một âm thanh của Như Lai hàm chứa vô biên diệu dụng, trong một có nhiều, đây chính là cảnh giới “sự sự vô ngại” của Hoa Nghiêm.

Ông Einstein nói: Thời gian, không gian, vật chất đều là cảm nhận sai lầm của loài người. Mọi người chớ cho rằng Phật giáo là huyền học, mà những điều này đều là khoa học. Ví dụ như kỹ thuật chụp ảnh hologram, cắt vụn tấm phim ra, lấy ra một mảnh nhỏ, chiếu tia laser vào, hình ảnh trên tấm phim vẫn hiện ra không chút biến đổi. Đây chính là thực chứng khoa học cho nguyên lý “một là tất cả, tất cả là một”, điều này hoàn toàn tương ứng với lời trong kinh Phật nói.

Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên nói: “Lời nói của tất cả Như Lai đều thanh tịnh, mỗi một lời có đủ các biến âm thanh, tùy theo ý thích của từng chúng sanh, từng tiếng phát xuất biến biện tài của Phật.” Lời kệ này hoàn toàn khớp với điều trong kinh này. Ngôn ngữ thế gian, người nghe luôn vì những phương ngữ khác nhau, trình độ không đồng đều, nên thường nghe mà như không nghe. Thế nhưng lời của Như Lai không có những chướng ngại trên. Tất cả đối tượng nghe pháp, bất kể là người ở phương này hay phương khác, người trí hay người ngu, là người hay vật, đều có thể hoan hỷ nghe hiểu. Mấu chốt nằm ở chỗ: lời của Như Lai là lời thanh tịnh, là câu thanh tịnh, là âm thanh vi diệu, lưu xuất ra từ trong tự tánh vô nhiễm là câu uế.

Do vậy, trong mỗi âm thanh đều là toàn bộ tánh đức, đều bao hàm vô biên diệu dụng, có thể bao gồm biến biện tài của Phật, đương nhiên cũng bao gồm mọi ngôn ngữ mà chúng sanh ưa muốn nghe. Mỗi một chúng sanh đều có thể đạt được phần tương ứng với mình, nhân đó mà hoan hỷ khai giải. Đây chính là cảnh giới “sự sự vô ngại”, chỉ Viên giáo mới có. Chúng sanh phàm phu, rơi vào trong vọng tưởng và chấp trước, nên tự tâm xưa nay chưa từng một khắc thanh tịnh, tự tâm không sáng thì diệu dụng sẽ không hiện ra, tự nhiên nơi nơi đều là chướng ngại.

“Lại hiện ra một diệu sắc thân, khiến khắp chúng sanh tùy loại thấy.”

Phật có năm thân:

1. *Pháp thân*. Pháp thân là lý thể trung đạo, lia tất cả hý luận, có vô biên công đức chân thật và thanh tịnh, là cảnh giới của Phật.

2. *Báo thân*. Địa thượng Bồ-tát mới có thể nhìn thấy.

3. *Ứng thân*. Chỉ cho thân Phật với “tám tướng thành đạo”, giống như đức Thích-Ca.

4. *Hóa thân*. Chỉ cho thân Phật tạm thời hóa hiện, có thể biến ra đủ loại hình tướng.

5. *Đẳng lưu thân*. Thị hiện ra thân giống với hình dạng của trời, người, ngựa, súc sanh, để khiến các loài chúng sanh khác nhau cũng có thể thấy được Phật. Ví dụ: đại sĩ Diện Nhiên chính là ngài Quán Âm hiện thân quý vương để khiến chúng sanh trong loài ngựa quý được gặp Phật pháp. Tỳ-kheo Pháp Tạng tán thán Phật hiện ra một loại sắc tướng vi diệu, khiến các loài chúng sanh đều có thể thấy được Phật dưới hình dạng tương ưng với loài của mình.

Phản trước nói về âm thanh, hai câu này nói về thân tướng của Phật, cả hai đều hiện rõ công đức “sự sự vô ngại” không thể nghĩ bàn của Hoa Nghiêm. Mời xem kệ tụng tiếp theo:

Nguyện con được tiếng Phật thanh tịnh

Pháp âm phổ cập vô biên giới

Tuyên dương môn giới, định, tinh tấn

Thông đạt thậm thâm vi diệu pháp.

Trí tuệ rộng lớn sâu như biển

Nội tâm thanh tịnh tuyệt trần lao

Vượt khỏi vô biên cửa ác thú

Mau đến bờ bồ-đề rốt ráo

Vô minh, tham, sân vĩnh viễn dứt

Hoặc tận, lỗi hết, tam-muội lực.

Bên trên là tán thán công đức của Phật, từ đoạn này trở đi là nói về phát đại thệ nguyện. Phát nguyện rất quan trọng, tổ sư Liên tông - đại sư Tịnh Am nói: “Tu hành trọng yếu, lập nguyện hàng đầu.” Lập nguyện thì có thể độ chúng sanh, phát tâm thì Phật đạo có thể thành. Muốn học Như Lai thừa thì trước hết phải phát khởi

đại nguyện của Bồ-tát, không được chậm trễ. Bởi vì muốn giác ngộ người khác, trước hết phải tự mình giác ngộ. Chúng ta muốn thức tỉnh người khác từ trong giấc mộng, thì bản thân mình phải tỉnh táo. Vì vậy, muốn độ chúng sanh thì trước tiên mình phải giác ngộ.

Rất nhiều người tuy có tâm nguyện độ sanh, nhưng chính mình vẫn mờ mịt mơ hồ, đầy dẫy tật xấu mà lại muốn đi hoằng pháp lợi sanh, điều này xác thực là xa rời thực tế. Ví như một người muốn làm bác sĩ để chữa bệnh cho người khác, nhưng không nghiên cứu y học, lại không có kinh nghiệm lâm sàng, nếu như vậy mà làm bác sĩ thì ắt sẽ phạm hai sai lầm: một, hành nghề không giấy phép; hai, lang băm hại người. Vì chẩn đoán sai, nên điều trị khiến bệnh nhân tử vong. Tuy xuất phát từ lòng tốt, nhưng tiếc rằng hoàn toàn trở thành việc tội tệ. Mạng người quan trọng, sao có thể xem nhẹ được? Huệ mạng của con người còn quan trọng hơn cả sanh mạng, cho nên nếu muốn giác ngộ người khác, trước tiên phải cầu chính mình giác ngộ.

“Nguyện con được tiếng Phật thanh tịnh, pháp âm phổ cập vô biên giới.”

Đoạn này cho thấy mối quan hệ không thể tách rời giữa tự giác và giác tha. Trước đó, ngài Pháp Tạng đã tán thán Phật có thể dùng “một âm thanh” khiến tất cả chúng sanh đều hiểu rõ. Vì thế, Pháp Tạng phát nguyện rằng bản thân ngài cũng có công đức như vậy, cũng có thể dùng âm thanh thanh tịnh để tuyên dương diệu pháp đến khắp “vô biên giới”. “Giới” có hai ý nghĩa:

1. Không gian, ở đây biểu thị cho cõi nước.
2. Chúng loại khác nhau, như tam giới. Thế gian thường gọi là giới chính trị, giới doanh nghiệp, những người thuộc các giới khác nhau. “Giới” biểu thị cho những người thuộc các thành phần khác nhau trong công việc và cuộc sống.

Từ “giới” ở đây bao hàm cả hai nghĩa trên. Vì âm thanh của Phật là thanh tịnh, tự nhiên lưu xuất từ trong biển trí tuệ của Phật, không có bất kỳ tư tâm tạp niệm, vọng tưởng chấp trước nào, nên có thể tuyên lưu pháp âm, truyền đến hết thấy thế giới, làm lợi ích vô lượng vô biên cho các loài chúng sanh khác nhau. Vì mục tiêu lợi tha vô hạn, nên ngài đã cầu công đức vô biên như thế.

“Tuyên dương môn giới, định, tinh tấn. Thông đạt thậm thâm vi diệu pháp.”

Rộng diễn diệu pháp, trước hết là “tuyên dương môn giới, định, tinh tấn”. Giới, định, tinh tấn là ba độ trong lục độ. Trong đó, giới đứng đầu trong ba môn vô

lậu học, cũng xếp đầu tiên trong lục độ vạn hạnh, là tầng đầu tiên của bảo tháp. Ba môn vô lậu học là chỉ cho giới, định, tuệ. Gặp thời không có Phật, chúng sanh phải lấy giới làm thầy, có thể thấy, giới luật cực kỳ quan trọng. Vì vậy, khi ngài Pháp Tạng phát nguyện thuyết pháp độ sanh, nội dung đầu tiên chính là giới. Tuy nhiên, chỉ giáo hóa chúng sinh tu năm độ đầu thôi chưa đủ, cần phải có bát-nhã dẫn đường.

Cho nên, tiếp theo chính là “thông đạt thậm thâm vi diệu pháp”. “Thậm thâm vi diệu pháp” chính là ngầm chỉ cho trí tuệ. Ngoài việc giáo hóa chúng sanh tu hành năm độ đầu ra, ngài Pháp Tạng còn mong muốn chúng sanh có thể thông đạt bát-nhã, đây mới là bản ý của ngài. Khiến mọi người thông đạt “tâm này là Phật, tâm này làm Phật”. Thông đạt pháp môn Tịnh độ chính là vô thượng thậm thâm vi diệu pháp.

“Trí tuệ rộng lớn sâu như biển.”

Để chúng sanh thông đạt bát-nhã, trước tiên bản thân phải có “trí tuệ rộng lớn sâu như biển”. Điều này cho thấy: muốn giác ngộ người khác, trước hết mình phải giác ngộ. Vì mục đích giác ngộ người khác nên bản thân mới phải giác ngộ, điều này khác với Nhị thừa. Trong tu hành thì trí tuệ là hàng đầu, phải lấy bát-nhã làm sự hướng dẫn, Tịnh độ làm nơi quay về. Dù tu học pháp môn nào, đều phải dùng trí tuệ để dẫn đường thì mới không rơi vào ma cảnh. Muốn thoát khỏi sanh tử, đem lại lợi ích chân thật cho chúng sanh, nếu lìa Tịnh độ thì không còn con đường nào khác để đi.

Bồ-tát Phổ Hiền cũng cầu vãng sanh, lấy thân để hoằng đạo. Ngoài pháp môn Tịnh độ ra, còn pháp môn nào khác có thể độ khắp chúng sanh? Bất luận là pháp môn nào, không có pháp môn nào là không tốt, nhưng tùy theo căn khí của chúng sanh nên có pháp môn tu được và không tu được. Nếu đưa cho họ một pháp môn không hợp căn khí thì có ý nghĩa gì? Trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện nói: Một bộ Hoa Nghiêm chính là muốn dẫn chúng sanh quy hướng về Cực Lạc.

Kinh Tiểu Phẩm Bát-nhã Ba-la-mật nói: “Biên nhất thiết trí của hết thảy chư Phật đều sanh ra từ bát-nhã ba-la-mật”; “tất cả trí tuệ của chư Phật cũng từ bát-nhã ba-la-mật mà sanh ra”; “gặp thời không có Phật, tất cả các thiện hạnh, chánh hạnh đều xuất sanh từ Bồ-tát, sức phương tiện của Bồ-tát cũng từ bát-nhã ba-la-mật mà sanh ra”. Từ đó cho thấy, trí tuệ và phương tiện của tất cả chư Phật, Bồ-tát đều sanh ra từ trí tuệ bát-nhã. Do vậy, bát-nhã được gọi là mẹ của chư Phật. Vậy bát-nhã là

gì? Đại sư Đàm Loạn trong Vãng Sanh Luận Chú nói: Trí tuệ thông đạt được chân như gọi là bát-nhã. Đó không phải là bất kỳ loại trí tuệ nào của thế gian, chẳng phải là biện thuyết pháp như mây như mưa, chẳng phải là viết luận văn trước tác đầy mình, chất cao như núi, mà là trí tuệ thông đạt chân như.

Đại Thừa Nghĩa Chương nói: “Thấu tỏ thể chân tâm, không mờ mịt tự tánh, nên gọi là tuệ.” Thể hiện ra sự minh tâm kiến tánh, mới là trí tuệ. Có người lầm tưởng rằng thế trí biện thông là trí tuệ, đó là hoàn toàn ngược lại. Thế trí biện thông là chướng ngại lớn nhất của người tu đạo. Một người rất thông minh, rất khôn khéo, rất có chiến lược, rất có phương pháp, nhanh nhẹn linh hoạt, khéo ăn khéo nói, đây là thế trí biện thông, là một trong tám nạn của người học Phật. Tám nạn bao gồm: mù, điếc, câm, bệnh thần kinh v.v.. Kẻ thế trí biện thông cũng tương tự với người bệnh thần kinh, là cùng một giuộc. Đây chẳng những không phải là ưu điểm, mà ngược lại còn là khuyết điểm chí mạng. Thế nào là trí tuệ? Là hiểu rõ bản thể của chân tâm. “Tự tánh” là chỉ cho bản tánh của chính mình. “Mờ mịt” là chỉ cho vô minh. Tiêu trừ vô minh cũng chính là xa lìa tam tối, tự tánh hiển hiện sáng rõ, đó mới gọi là trí tuệ.

Trong Gia Tường Sớ nói: Chi tu năm độ đầu thì không thể ra khỏi biên khổ sanh tử, nhất định phải nương vào sức mạnh của trí tuệ. Phải thông đạt khai giải nguồn gốc vốn sẵn có của bản tâm, cũng tức là phải hoàn toàn tự sáng tỏ bản tâm, tự thấy được bản tánh, thì mới có thể thoát sanh tử.

Kinh Tiểu Phẩm Bát-nhã nói: “Năm ba-la-mật nương vào bát-nhã ba-la-mật mà tăng trưởng, nhờ được bát-nhã ba-la-mật bảo hộ mà đạt đến nhất thiết trí. Do vậy, này A-nan, bát-nhã ba-la-mật dẫn đường cho năm ba-la-mật.” Cho nên trong thời mật pháp, bất kỳ người tu hành nào đều phải “lấy bát-nhã làm sự dẫn đường, lấy Tịnh độ làm nơi quay về”. Lời này căn cứ vào thánh ngôn lượng. Những lời trên là danh ngôn chí lý mà Hoàng Niệm lão nói với chúng ta, đây cũng là thánh ngôn lượng!

“Nội tâm thanh tịnh tuyệt trần lao.”

“Trần lao” chính là phiền não. “Trần” là ô nhiễm, “lao” là lo âu phiền muộn. Thứ che lấp chân tánh của bạn, làm thân tâm bạn rối loạn thì gọi là “trần lao”. Nếu có trí tuệ rộng lớn thì nội tâm nhất định sẽ thanh tịnh, tất nhiên sẽ không còn trần lao.

Tâm kinh nói: “Bồ-tát Quán Tự Tại khi thực hành sâu xa bát-nhã-ba-la-mật-đa, soi thấy ngũ uẩn đều là không, vượt qua mọi khổ ách.” Khi trí tuệ bát-nhã hiện rõ, tự nhiên sẽ thông đạt và chứng biết rằng: sắc thọ tưởng hành thức đều là hư vọng. Ngày nay các nhà khoa học cũng đã hiểu rằng vật chất là từ cảm nhận sai lầm của chúng sanh; vật chất chính là sắc, nó là hư vọng, không phải thật có, vọng chính là không. Ngũ uẩn đã là không, thì còn gì là khổ ách nữa? Đương nhiên trần lao sẽ không còn. “Tuyệt” nghĩa là dứt sạch. “Tuyệt trần lao” là dứt sạch hoàn toàn mọi phiền não.

“Vượt khỏi vô biên cửa ác thú.”

“Cửa ác thú” chính là ba cửa: ngã quý, súc sinh, địa ngục. Nhờ có trí tuệ như biển, nội tâm thanh tịnh trừ sạch trần lao nên mới vượt khỏi vô biên cửa ác thú. Vì sao gọi là “vô biên”? Đây là nói với chúng ta: bất cứ nơi đâu chúng ta đều có thể bước vào ba đường ác, cánh cửa này là vô lượng vô biên. Ở trước sau, trái phải của bạn đều là cửa; ở chỗ nhắc chân hạ chân của bạn cũng đều là cửa, bất kể lúc nào, bất kể nơi đâu bạn đều có thể rơi vào ba đường ác. Chỉ có trí tuệ rộng lớn, tâm thanh tịnh dứt tuyệt trần lao thì mới có thể vượt qua vô lượng vô biên, không thể kể xiết những cánh cửa dẫn vào đường ác. Do vậy chúng ta phải luôn học theo Bồ-tát, khéo canh giữ ý niệm của chính mình.

“Mau đến bờ bồ-đề rốt ráo.”

“Bồ-đề” là chỉ cho giác ngộ. “Bồ-đề rốt ráo” chính là giác ngộ rốt ráo. “Bờ” là chỉ bờ bên kia. “Rốt ráo” nghĩa là dứt khoát, hoàn thành, tốt cùng. Giác ngộ rốt ráo tức là hoàn toàn dứt sạch nguồn gốc của tâm ô nhiễm, thì giác hoàn toàn đồng với bốn giác nơi quả vị giác ngộ của Như Lai, đạt đến bờ niết-bàn bên kia.

“Vô minh, tham, sân vĩnh viễn dứt.”

Đại Thừa Nghĩa Chương nói: “Tâm si ám, hoàn toàn không có trí sáng, nên gọi là vô minh.” Không có trí tuệ, không sáng suốt, hoàn toàn là tâm si ám, đó chính là vô minh. Vô minh cộng với tham sân thì thành ba độc. Vô minh che lấp nên pháp thân sẵn có không hiển lộ. Trí tuệ bát-nhã như ngọn đèn sáng, căn phòng tối nghìn năm, ánh đèn vừa chiếu vào thì toàn bộ bóng tối liền tiêu tan trong chớp mắt. Phá một phần vô minh thì thấy được một phần pháp thân, phá hết 42 phẩm vô minh thì thành Phật.

“Hoặc tận, lỗi hết, tam-muội lực.”

“Hoặc” là chỉ cho kiến tư hoặc, trần sa hoặc và vô minh hoặc. Dứt sạch vô minh thì ba hoặc đều tiêu trừ, đương nhiên lỗi làm gì cũng không còn, đây là nhờ vào sức mạnh của tam-muội. Trí lớn như biển, lại thêm định lực của tam-muội, định tuệ đẳng trì, công đức sẽ vô cùng thù thắng. Trong các loại tam-muội, niệm Phật tam-muội được gọi là vua trong các tam-muội, còn gọi là bảo vương tam-muội. Phần trước đã nói, do Phật Phật nhớ nghĩ đến nhau, thế nên biết rằng tam-muội của tỳ-kheo Pháp Tạng chính là bảo vương tam-muội.

Mời xem kệ tụng tiếp theo:

**Cũng như vô lượng Phật quá khứ
Làm đại đạo sư của quần sanh
Có thể cứu hết thủy thế gian:
Sanh, lão, bệnh, tử các khổ não
Thường hành bố thí và giới, nhẫn
Tinh tấn, định, tuệ, sáu ba-la
Hữu tình chưa độ, khiến được độ
Người đã được độ, khiến thành Phật
Giả sử cúng dường hằng sa thánh
Không bằng kiên dũng cầu Chánh giác.**

“Cũng như vô lượng Phật quá khứ, làm đại đạo sư của quần sanh, có thể cứu hết thủy thế gian: sanh, lão, bệnh, tử các khổ não. Thường hành bố thí và giới, nhẫn. Tinh tấn, định, tuệ, sáu ba-la. Hữu tình chưa độ, khiến được độ; người đã được độ, khiến thành Phật.”

Bồ-tát Pháp Tạng tiếp tục phát nguyện rằng: Con cũng như vô lượng chư Phật đời quá khứ, sẽ làm bậc đại đạo sư giúp tất cả chúng sanh thoát khỏi sanh tử, đạt đến an vui rốt ráo. Con nguyện có thể cứu độ hết thủy lục đạo thế gian, hàng Nhị thừa và Bồ-tát, giải trừ các loại khổ đau sanh lão bệnh tử của họ. Lục đạo có phần đoạn sinh tử, hàng Nhị thừa và Bồ-tát có biến dịch sinh tử. Con sẽ thường hành sáu ba-la-mật: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ. Những hữu tình chưa được độ, con sẽ khiến họ được độ; những người đã được độ, con sẽ hộ trì họ thành Phật. Ví dụ Bồ-tát chính là những người đã được độ.

“Giả sử cúng dường hằng sa thánh, không bằng kiên dũng cầu Chánh giác.”

Giả như cúng dường Phật Bồ-tát nhiều như số cát sông Hằng, cũng không bằng chính mình kiên định, dũng mãnh cầu Chánh giác. Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên nói: “Trong các loại cúng dường, cúng dường pháp là thù thắng nhất.” Trong hết thấy sự cúng dường, thì việc dùng Phật pháp tu hành như lời dạy để cúng dường là thù thắng nhất. Vì sao vậy? Vì điều chư Phật xem trọng nhất chính là pháp. Nếu y theo lời dạy của Phật, kinh điển và thiện tri thức thật thà tu hành, thì có thể thành tựu Chánh giác. Đây chính là chỗ chư Phật xuất sanh. Do đó, thực hành cúng dường pháp thì phải thành tựu viên mãn, đây là sự cúng dường lớn nhất đối với Như Lai.

Đại sư Ngẫu Ích nói: Bản thân bạn vẫn chưa được độ, giống như người đang vùng vẫy giữa dòng sông, mà lại muốn cứu người trên bờ, đó chẳng phải là chuyện nực cười nhất hay sao? Lời này nói hết sức sâu sắc. Nhiều người vẫn chưa hiểu rõ chỗ này. Đây không phải là A-la-hán, chỉ cầu chính mình giác ngộ. Đây là vì thật sự muốn cứu độ người khác. Muốn có trách nhiệm với người khác thì hãy hết lòng nghiêm túc quán chiếu lời này, chỉ có cách: phải độ mình trước. Vì muốn độ người, nên trước phải độ mình, chứ không phải chỉ vì chính mình.

Mời xem kệ tụng tiếp theo:

**Nguyện khi an trụ tam-ma-địa
Luôn phóng quang minh chiếu hết thấy
Cảm được cõi thanh tịnh rộng lớn
Trang nghiêm thù thắng không gì bằng
Chúng sanh luân hồi trong các nẻo
Mau sanh cõi con hưởng an lạc
Thường dùng từ tâm cứu hữu tình
Độ hết vô biên chúng sanh khổ.**

Tám câu kệ tụng này là phần tổng kết của toàn bộ nguyện văn ở trên. Đây cũng là cốt lõi của 48 đại nguyện của A-di-đà Phật. Bốn mươi tám nguyện chỉ là sự diễn giải cụ thể, tường tận và đầy đủ hơn của tám câu kệ, là sự phát huy và bổ sung cho tám câu này.

“Nguyện khi an trụ tam-ma-địa, luôn phóng quang minh chiếu hết thấy.”

Con nguyên ngay khi đang an trụ trong chánh định sẽ không ngừng phóng ra ánh sáng lớn, chiếu khắp tất cả. An trụ trong chánh định là tịch, là thể; phóng ánh sáng chiếu khắp tất cả là chiếu, là dụng. Do vậy, có thể thì ắt có dụng, thể và dụng luôn đi đôi với nhau. Hai câu này cũng thể hiện rõ “định tuệ đẳng trì”, an trụ trong tam-ma-địa là định, luôn phóng ánh sáng là tuệ. Cho nên chúng ta tu trì, giống như chim có hai cánh, xe có hai bánh, phải cùng vận hành, định và tuệ phải song hành. Chúng ta tu hành cũng phải giải hành tương ưng; giải và hành phải thúc đẩy lẫn nhau. An trụ trong tam-ma-địa, lại có thể thường phóng ánh sáng, tịch và chiếu cũng là đồng thời. Có người sau khi nhập định thì không thể chiếu; có người vừa chiếu thì tâm liền có chỗ trụ, thậm chí tán loạn. Đó là biểu hiện của việc tịch và chiếu không thể đồng thời.

Trong giáo có một bài kệ rất nổi tiếng: *“Cảnh giả tuyệt diệu quán thành không, năng sở đều quên là trung đạo, vong chiếu chưa từng có trước sau, một tâm dung hợp tan dấu vết.”* Cũng chính là “vong và chiếu đồng thời”. Người tu hành chân thật nếu có thể hạ công phu từ đây, từ “vong chiếu đồng thời” mà khế nhập “tịch chiếu đồng thời”. Tịch là thể, chiếu là dụng, cũng chính là thể dụng không hai. Lý thể và sự dụng cũng chẳng phải hai thứ. Đây chính là cảnh giới “lý sự vô ngại” của Hoa Nghiêm. Lý thì lặng lẽ bất động; sự thì hể có cảm liên thông. “Thông” là chỉ cho thông đạt, tức là có biến hóa. Ở đây nói “bất động” và “thông đạt”, đối với hàng chúng sanh mà nói thì là mâu thuẫn, liền có chướng ngại. Chỉ người đạt đến “vong chiếu đồng thời” mới có thể thực sự thể hội được cảnh giới “lý sự vô ngại”. Nếu lời nói và hành vi không thể viên dung thì vẫn cần phải phát nguyện, tu trì, sám hối.

“Cảm được cội thanh tịnh rộng lớn.”

“Cảm” là chỉ cho cảm ứng, “cội” là chỉ cho cội nước. Làm thế nào mới có thể độ chúng sanh? Chính là phải “cảm được cội thanh tịnh rộng lớn”. Bồ-tát Pháp Tạng nguyện rằng: Nguyên nhờ những công đức của chính mình như: tịch chiếu đồng thời, lý sự vô ngại, định tuệ đẳng trì v.v. mà cảm ứng được sự gia bị, thành tựu được cội nước rộng lớn thanh tịnh. Thế giới Cực Lạc không có bờ bến, chính là thể hiện sự rộng lớn. Vãng Sanh Luận Chú nói: Sự trang nghiêm của cội Phật vào trong câu thanh tịnh. Lại nữa, trong kinh Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ nói: “Không có hết thảy ưu khổ của thân tâm, chỉ có niềm vui thanh tịnh vô lượng, nên gọi là thể

giới Cực Lạc.” Đúng như tâm nguyện của Bồ-tát Pháp Tạng, Cực Lạc là một cõi nước thanh tịnh.

“Trang nghiêm thù thắng không gì bằng.”

Cõi nước mà Bồ-tát Pháp Tạng cầu không chỉ rộng lớn thanh tịnh mà còn “trang nghiêm thù thắng không gì bằng”. “Không gì bằng” là không có gì tương đương hay sánh được. “Thù thắng” nghĩa là vi diệu, đẹp đẽ lạ thường, lại còn siêu tuyệt. Gia Tường Sớ nói: “Tu đạo nhanh chóng thành Phật, nên nói là siêu tuyệt.” “Thù thắng” không chỉ biểu đạt hình sắc cõi nước xinh đẹp vi diệu không gì sánh, mà còn thể hiện hàm chứa diệu dụng lợi ích chúng sanh. Do vậy, nước, chim, rừng cây đều diễn nói diệu pháp, nghe điều gì cũng tương ưng với pháp. “Trang nghiêm” có hai hàm nghĩa là: đầy đủ đức và nghiêm tịnh hoa lệ. Cõi nước được mong cầu trang nghiêm thù thắng, vượt trội mười phương, không gì có thể sánh được.

“Chúng sanh luân hồi trong các nẻo, mau sanh cõi con hưởng an lạc.”

Thế giới Cực Lạc sở dĩ trang nghiêm chính là vì có thể nhanh chóng thành Phật. Sau khi vãng sanh thì không còn thoái chuyển, lại có thọ mạng vô lượng, đây mới là động lực thật sự để chúng ta vãng sanh. Hoàng Niệm lão nói: Thế giới này của chúng ta có quá nhiều duyên làm cho thoái chuyển, tôi đã thấy rất nhiều người, ban đầu đều hết sức cù khô, về sau suy sụp cũng hết sức tàn tạ. Do vậy trước khi chứng đạo, mỗi người đều phải cẩn thận đề phòng sự dấy động của nghiệp lực. Thế giới Cực Lạc không có những chuyện này, điều này hết sức quan trọng. Sự thù thắng của Cực Lạc nằm ở chỗ nhanh chóng thoát sanh tử, nhanh chóng chứng ngộ, đây mới là an lạc thực sự.

“Thường dùng từ tâm cứu hữu tình, độ hết vô biên chúng sanh khổ.”

Đại nguyện của Bồ-tát Pháp Tạng vĩnh viễn đều là như vậy. Niệm Phật không khó, khó ở chỗ phát tâm! Phát tâm không khó, khó ở chỗ chân thật! Chân thật không khó, khó ở chỗ dừng mãi! Dừng mãi không khó, khó ở chỗ lâu dài! Phát tâm lâu dài là điều rất khó. Có những người lúc mới ban đầu vô cùng tích cực, sau đó bị một cú sốc liền thoái chuyển. Ngài Pháp Tạng “thường dùng từ tâm cứu hữu tình”. Ngài phát nguyện độ hết chúng sanh, nếu chưa độ hết chúng sanh thì sẽ không thành Phật. “Thường” là chỉ cho thời gian: ba thời quá khứ, hiện tại và vị lai. “Vô biên” là chỉ cho không gian, đến khắp mười phương hư không. Bồ-tát Pháp Tạng trong hết

thảy thời, hết thảy nơi đều đại từ đại bi, độ thoát chúng sanh, quyết tâm độ hết mới thôi. Thời gian không có cùng tận, không gian không có cùng tận, chúng sanh không có cùng tận, vì thế đại từ, đại bi, đại nguyện, đại hạnh cũng không có cùng tận.

Mời xem kệ tụng tiếp theo:

**Hạnh con sức quyết định kiên cố
Chỉ thánh trí Phật chứng biết được
Dầu cho thân ở trong các khổ
Nguyện tâm như thế mãi chẳng thoái.**

“Hạnh con sức quyết định kiên cố, chỉ thánh trí Phật chứng biết được.”

Bồ-tát Pháp Tạng phát nguyện, mở đầu dùng từ “nguyện”, nhưng ở phần kết thì không nói “nguyện con”, mà nói “hạnh con”, đủ thấy rằng nguyện của ngài Pháp Tạng đã trở thành hành động, cho nên nói “nguyện để khởi hạnh”. Hơn nữa, hạnh của ngài Pháp Tạng là: kiên quyết không đổi dời, kiên cố không lay động. Sức mạnh quyết định kiên cố này chỉ có thánh trí của Phật mới có thể chứng minh và hiểu thấu. Người nông cạn thì không thể hiểu được người sâu sắc, chỉ những người có trình độ tương đương mới có thể hiểu được phần nào. Chỉ có Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai là bậc viên mãn ba giác, ngũ nhãn sáng ngời, trí tuệ vô ngại, chỉ có Phật mới thấu biết được Bồ-tát Pháp Tạng, mới có thể chứng thực cho ngài. Bởi vì Bồ-tát bậc dưới không thể biết nhất cử nhất động của Bồ-tát bậc trên, cho nên không thể nào hiểu rõ.

“Dầu cho thân ở trong các khổ, nguyện tâm như thế mãi chẳng thoái.”

Người bình thường khi bị một cú sốc thì chí khí lập tức tiêu tan, học Phật cũng chỉ là “năm phút nhiệt tình”. Bản dịch thời Đường là: “Dù chìm trong các ngục Vô gián”, còn kinh này nói “trong các khổ”, đương nhiên bao gồm cả địa ngục. Vì vậy thế nguyện của Bồ-tát Pháp Tạng là: Dù có đọa vào địa ngục, thì hạnh này nguyện này cũng không thoái chuyển. Điều này chứng tỏ tâm nguyện của Bồ-tát Pháp Tạng là dứt khoát và kiên cố. Nếu chỉ có nguyện mà không có hạnh thì đó là nguyện suông; nếu chỉ có hạnh mà không có nguyện thì đó là hành động mù quáng. Vì thế nguyện và hạnh phải bổ trợ nhau: dùng nguyện để khởi hạnh, dùng hạnh để chứng nguyện, như vậy mới có thể viên mãn thành tựu đại nguyện. Hôm nay giao lưu chỉ đến đây, cảm ơn mọi người. A-di-đà Phật.